

VẤN ĐỀ SỞ HỮU TRONG TÁC PHẨM “TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN” VÀ THỰC TIỄN HIỆN NAY

OWNERSHIP ISSUES IN “THE COMMUNIST MANIFESTO” AND CONTEMPORARY PRACTICE

NGUYỄN THỊ KIM HOA (*)

Tóm tắt: “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” do C.Mác và Ph.Ăngghen khởi thảo là văn kiện có ảnh hưởng lớn trong lịch sử tư tưởng chính trị - xã hội, trong đó có những nội dung luận giải cơ sở lý luận về chuyển đổi quan hệ sở hữu từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Bài viết phân tích các biện pháp quá độ mà C.Mác - Ph.Ăngghen đề xuất và thực tiễn vận dụng tại Liên Xô (trước đây), Trung Quốc và Việt Nam. Qua đó, liên hệ những vấn đề sở hữu đặt ra đối với Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế số.

Từ khóa: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; sở hữu; Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

Abstract: “The Communist Manifesto”, drafted by Karl Marx and Friedrich Engels, is a document of profound influence in the history of socio-political thought. It provides key theoretical foundations for explaining the transformation of ownership relations from capitalism to socialism and communism. This article analyzes the transitional measures proposed by Marx and Engels, as well as their practical application in the former Soviet Union, China and Vietnam. On that basis, it examines ownership-related issues facing Vietnam in the context of globalization and the digital economy.

Keywords: Socialist-oriented market economy; ownership; The Communist Manifesto.

Ngày nhận bài: 26/12/2025 Ngày biên tập: 01/02/2026 Ngày duyệt đăng: 10/02/2026

1. Bối cảnh ra đời “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” và yêu cầu giải quyết vấn đề sở hữu

Giữa thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp ở châu Âu đã làm thay đổi sâu sắc cơ cấu sản xuất và quan hệ xã hội. Sản xuất xã hội hóa mạnh mẽ, song quan hệ sở hữu vẫn mang tính cá nhân và tư hữu tư bản chủ nghĩa: tư liệu sản xuất tập trung trong tay tư sản, còn đại bộ phận dân chúng trở thành lực lượng lao động làm thuê. Sự nghịch lý giữa lực lượng sản xuất xã hội và quan hệ sản xuất tư hữu cá nhân khiến nền kinh tế tư bản lộ rõ những mâu thuẫn cốt lõi, đó là khủng hoảng chu kỳ, bóc lột, bất ổn chính trị và xã hội.

Trong bối cảnh ấy, tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” ra đời nhằm mục đích đề xuất phương hướng đấu tranh và xây dựng xã hội mới, trong đó vấn đề sở hữu là một trục trung tâm cần được giải quyết căn bản.

C.Mác và Ph.Ăngghen coi vấn đề sở hữu là gốc rễ của quan hệ sản xuất, của mâu thuẫn giai cấp: ai nắm tư liệu sản xuất, người đó nắm quyền lực xã hội. Do vậy, để giải phóng giai cấp vô sản, cần thay đổi chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, chuyển từ tư hữu sang công hữu hoặc các hình thức sở hữu xã hội khác làm nền tảng cho một xã hội công bằng hơn. Trong tác phẩm này, C.Mác và Ph.Ăngghen đã phân biệt rõ các hình thức sở hữu để nhấn mạnh tính chất xã hội và giai cấp của chúng. Theo các ông, sở hữu tư sản là hình thức sở hữu dựa trên

ThS; Trường Đại học Khánh Hòa

cơ sở bóc lột sức lao động của công nhân làm thuê, vì sức lao động của công nhân làm thuê tạo ra giá trị tài sản, nhưng lại không thuộc sở hữu của họ, mà giá trị tài sản đó chính là tư bản và bị nhà tư sản chiếm không. Về cơ bản, có thể tóm tắt như sau:

Sở hữu tư sản: là chế độ sở hữu tư nhân của giai cấp tư sản về tư liệu sản xuất, dựa trên quan hệ bóc lột lao động làm thuê. Đây là hình thức sở hữu sản xuất ra lợi nhuận, tích lũy tư bản và tái sản xuất mối quan hệ bóc lột. Sở hữu tư sản là “cái sở hữu chỉ có thể tăng thêm với điều kiện là phải sản xuất ra lao động làm thuê mới để lại bóc lột lao động làm thuê đó”⁽¹⁾; “chế độ sở hữu tư sản hiện thời, lại là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia”⁽²⁾.

Sở hữu riêng (cá nhân) của người lao động: là hình thức sở hữu thuần túy cá thể, bóc lột qua quyền chiếm hữu những sản phẩm do chính mình lao động, đủ để tái sản xuất đời sống. Do đó, C.Mác và Ph.Ăngghen nhấn mạnh rằng các ông không có ý tước đoạt quyền sở hữu cá nhân hợp pháp của lao động tự do, vì nó không phải là đặc trưng cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Các hình thức sở hữu trung gian, bao gồm: sở hữu của tiểu tư sản, tiểu nông - vốn mang tính cá thể cộng đồng nhỏ. Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, các dạng sở hữu này bị xóa mòn hoặc bị biến đổi bởi sự phát triển của tư hữu lớn.

Sự phân biệt này cho phép C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định rằng khi nói “xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản” thì các ông không phủ nhận mọi hình thức sở hữu cá nhân mà chỉ nhằm vào hình thức sở hữu dựa trên bóc lột. C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Chúng tôi tuyệt nhiên không muốn xóa bỏ sự chiếm hữu cá nhân về những sản phẩm của lao động, cần thiết để tái sản xuất ra đời sống, vì sự chiếm hữu ấy không để ra một khoản dư nào có thể đem lại một quyền lực chi phối lao động của người khác”⁽³⁾.

2. Xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản và ý nghĩa của vấn đề này

Luận điểm trung tâm của “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” về vấn đề sở hữu là chế

độ tư hữu tư sản là nguồn gốc của bóc lột và mâu thuẫn giai cấp; vì vậy, để chấm dứt bóc lột và tiến tới xã hội công bằng thì cần xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản đối với tư liệu sản xuất chủ yếu. Ý nghĩa của luận điểm này nằm ở hai phương diện chính:

Về lý luận: xác lập mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, chỉ ra rằng khi lực lượng sản xuất phát triển tới một trình độ nhất định, quan hệ sản xuất hiện hành (ở đây là tư hữu tư bản) sẽ trở thành chướng ngại cho sự phát triển tiếp theo, và cần phải được thay đổi theo quy luật lịch sử.

Về thực tiễn: định hướng cho các hoạt động cách mạng - không chỉ lật đổ về chính trị, mà còn cải tạo về kinh tế, nhằm tập trung tư liệu sản xuất vào tay xã hội (thông qua nhà nước của giai cấp vô sản) để phục vụ lợi ích chung.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, việc xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản là một quá trình lâu dài. Mục đích của việc này là “để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”⁽⁴⁾.

Trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa ra 10 biện pháp⁽⁵⁾ để từng bước xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản, đồng thời lưu ý rằng: “Trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều”⁽⁶⁾. Cụ thể là:

1) Thuế suất lũy tiến cao: đây là biện pháp nhằm đánh trực tiếp lên tài sản lớn, giảm bớt bất bình đẳng sở hữu, đồng thời thu nguồn lực cho công ích. Trên thực tế, biện pháp này được nhiều quốc gia hiện đại áp dụng dưới nhiều hình thức thuế tái phân phối.

2) Tịch thu tài sản di sản không có giới hạn: nhấn mạnh tính công bằng trong chuyển giao tài sản thừa kế - hạn chế việc tích tụ tài sản qua các thế hệ chỉ vì quyền thừa kế, giảm sự củng cố tầng lớp tư sản.

3) Tịch thu quyền sở hữu đất đai và phân phối lại: trong bối cảnh phong phú đất đai thời cận đại, việc chuyển giao đất đai từ tay chủ lớn sang cộng đồng nông dân hoặc tổ chức xã hội là bước cơ bản để thay đổi quan hệ sản xuất ở nông thôn.

4) Tập trung tín dụng vào tay Nhà nước bằng cách thành lập ngân hàng quốc gia với độc quyền tín dụng: nhằm điều tiết nguồn vốn, hạn chế sức mạnh tài chính của tư sản và phục vụ mục tiêu phát triển xã hội.

5) Quốc hữu hóa các phương tiện truyền thông và các ngành sản xuất lớn: kiểm soát các ngành trọng yếu để đảm bảo hoạt động vì lợi ích xã hội thay vì lợi nhuận tư nhân.

6) Tập trung các phương tiện vận tải vào tay nhà nước: tạo điều kiện cho việc điều hòa, phát triển kinh tế theo kế hoạch, phục vụ an ninh và phát triển quốc gia.

7) Tăng cường tổ chức lao động theo khuynh hướng sản xuất công nghiệp xã hội: đề cao sự hợp tác, loại bỏ hình thức bóc lột trong quan hệ lao động.

8) Sự liên kết nông nghiệp vào khuôn khổ hợp tác xã: là biện pháp nhằm biến đổi quan hệ sản xuất nông thôn, giảm bớt quyền lực của chủ đất lớn.

9) Thuê mướn lao động được thay thế dần bằng lao động tự quản, hợp tác: hướng tới loại bỏ hoàn toàn quan hệ lao động làm thuê bóc lột.

10) Giáo dục công cộng và phổ cập văn hóa: tạo nền tảng cho việc thay đổi ý thức xã hội, hình thành con người mới phù hợp với xã hội cộng sản.

Những biện pháp này không phải là danh sách cố định phải áp dụng theo một khuôn mẫu, mà C.Mác và Ph.Ăngghen nhiều lần nhắc rằng tùy theo điều kiện lịch sử và mức độ phát triển của mỗi quốc gia mà sự lựa chọn và thứ tự áp dụng có thể có sự khác nhau.

Trước khi chủ nghĩa Mác ra đời, trong lịch sử nhân loại đã tồn tại nhiều học thuyết và trào lưu tư tưởng xã hội, đặc biệt là các tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng và tư tưởng dân chủ tư sản. Tuy nhiên, những học thuyết ấy còn nhiều hạn chế, chưa vạch ra được con đường giải phóng triệt để cho giai cấp công nhân và nhân loại. Khi phương thức tư duy của C.Mác và Ph.Ăngghen được vận dụng vào thực tiễn cách mạng thế kỷ XX, các nước xã hội chủ nghĩa đã có những cách tiếp cận khác nhau như:

Tại Liên Xô trước đây: sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, dưới sự lãnh đạo của

V.I.Lênin đã tiến hành quốc hữu hóa tư liệu sản xuất và áp dụng các biện pháp quá độ, tiêu biểu là Chính sách kinh tế mới (NEP), nhằm khôi phục sản xuất. Từ thời J.Stalin trở đi, mô hình tập trung hóa và kế hoạch hóa toàn diện được đẩy mạnh, gần như loại bỏ các hình thức sở hữu ngoài công hữu. Mô hình này đạt một số thành tựu trong công nghiệp hóa, nhưng cũng bộc lộ hạn chế, gây kém hiệu quả và trì trệ kinh tế.

Tại Trung Quốc: sau năm 1949, Trung Quốc tiến hành cải tạo quan hệ sở hữu và chuyển sang mô hình tập trung hóa tương tự Liên Xô khi đó. Tuy nhiên, từ năm 1978 trở lại đây, Trung Quốc thực hiện cải cách và mở cửa, cho phép nhiều hình thức sở hữu cùng tồn tại: sở hữu nhà nước, tập thể, tư nhân, vốn nước ngoài... Mô hình “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” của Trung Quốc cho thấy một lộ trình linh hoạt: duy trì vai trò chủ đạo của sở hữu nhà nước ở các ngành then chốt, đồng thời khuyến khích khu vực tư nhân và thị trường để thúc đẩy tăng trưởng.

Việt Nam có lộ trình và bối cảnh lịch sử đặc thù trong giải quyết vấn đề sở hữu. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và trong giai đoạn xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đảng và Nhà nước ta tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất: quốc hữu hóa, hợp tác hóa nông nghiệp và xây dựng nền kinh tế dựa trên nền tảng quan hệ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu. Quá trình này đạt được một số thành tựu về mặt an ninh chính trị và phát triển một số ngành công nghiệp, nhưng cũng nảy sinh nhiều vấn đề: năng suất thấp ở nhiều lĩnh vực, thiếu động lực, quản lý kém hiệu quả dẫn đến khủng hoảng kinh tế.

Từ Đại hội lần thứ VI (năm 1986), Đảng ta đề ra đường lối đổi mới, vận hành cơ chế kinh tế nhiều thành phần với ba hình thức sở hữu cơ bản: sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân dưới sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Điều này đã khuyến khích sức sáng tạo, năng lực sản xuất, thu hút vốn đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời đặt ra những thách thức mới

về công bằng xã hội, quản lý tài sản công, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể sở hữu.

Khi thế giới bước vào thời đại số, khái niệm sở hữu mở rộng: sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu dữ liệu, quyền kiểm soát nền tảng số và hệ sinh thái công nghệ trở thành những dạng tài sản quan trọng; đồng thời, cũng đặt ra những vấn đề, nổi lên là:

1) Tập trung dữ liệu và quyền lực mới: những tập đoàn công nghệ lớn sở hữu khối dữ liệu khổng lồ và nền tảng phân phối, từ đó có thể chi phối thị trường, tiêu dùng và thậm chí ảnh hưởng tới chính trị. Đây là hình thức “sở hữu” mới mang tính tập trung và có khả năng tạo ra bất bình đẳng lớn.

2) Quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ: sự bất cân xứng trong quyền sở hữu trí tuệ giữa các nước có trình độ phát triển khác nhau gây hạn chế năng lực sáng tạo và tiếp cận công nghệ của các quốc gia kém phát triển.

3) Kinh tế chia sẻ và quyền sở hữu sử dụng: xu hướng chia sẻ tài sản (như xe, nhà, nền tảng trực tuyến) làm thay đổi cách thức tiếp cận sở hữu truyền thống, đòi hỏi có giải pháp về pháp luật và bảo vệ quyền lợi của người sử dụng.

4) Vai trò của Nhà nước: định hướng, xây dựng thể chế mới để điều tiết, bảo đảm quyền sở hữu hợp pháp, đồng thời ngăn chặn sự tập trung quyền lực sở hữu vào tay một số ít, bảo vệ lợi ích công cộng và an ninh quốc gia.

3. Một số đề xuất về lý luận và chính sách

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế về quyền sở hữu: cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, khẳng định và bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp ở nhiều hình thức, đồng thời có cơ chế điều tiết để tránh tập trung quá mức. Hệ thống pháp luật phải minh bạch, dễ tiếp cận, đảm bảo an toàn pháp lý cho cả doanh nghiệp và người dân.

Thứ hai, phát triển sở hữu nhà nước theo hướng hiệu quả: sở hữu nhà nước nên được quản lý theo cơ chế thị trường, minh bạch và cạnh tranh, giảm tình trạng độc quyền hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

Thứ ba, khuyến khích khu vực tư nhân gắn với trách nhiệm xã hội: khu vực tư nhân là nguồn lực quan trọng cho tăng trưởng; cần có chính sách khuyến khích nhưng đồng thời yêu cầu trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, bảo vệ người lao động và môi trường.

Thứ tư, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản trị dữ liệu: cần có khung pháp lý bảo đảm quyền lợi hợp pháp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đồng thời bảo vệ dữ liệu cá nhân, tránh tình trạng lạm dụng dữ liệu gây tổn hại cho xã hội.

Thứ năm, giảm bất bình đẳng và tăng cường phân phối công bằng: thông qua các chính sách thuế, an sinh xã hội, giáo dục và y tế, Nhà nước cần điều chỉnh để giảm chênh lệch giàu nghèo và đảm bảo cơ hội cho mọi người.

Thứ sáu, xây dựng cơ chế minh bạch trong quản lý tài sản công và phòng, chống tham nhũng: tài sản công là tài sản của xã hội, cần có hệ thống giám sát hiệu quả để tránh thất thoát và lãng phí, tránh tình trạng lợi dụng chức quyền để tạo dựng bè phái, đầu cơ, tham nhũng.

4. Kết luận

“Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” có giá trị lịch sử và lý luận sâu sắc về vấn đề sở hữu. “Xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản” không chỉ là một khẩu hiệu cách mạng mà là một phân tích khoa học về mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Thực tiễn ở Liên Xô trước đây, Trung Quốc và Việt Nam cho thấy cần có giai đoạn quá độ linh hoạt, tránh cực đoan và cần hoàn thiện thể chế để vừa bảo đảm công bằng xã hội, vừa khuyến khích động lực sáng tạo. Trong bối cảnh hiện nay, khi sở hữu mở rộng sang các không gian mới như dữ liệu và tri thức, vấn đề sở hữu cần được tiếp tục nghiên cứu và định hướng chính sách phù hợp để phục vụ mục tiêu phát triển bền vững, công bằng và toàn diện./.

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4) C.Mác - Ph.Ăngghen, “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản”, Nxb CTQG-ST, H. 2004, tr.99, tr.98, tr.100, tr.108.

(5) Xem thêm trong: C.Mác - Ph.Ăngghen, sđd, tr.109-110.

(6) C.Mác - Ph.Ăngghen, sđd, tr.109.